TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **686**/2024/HC-PT
Ngày 04 tháng 7 năm 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Mai XuânThành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 và 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 524/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày18tháng 4 năm 2023của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số636/2024/QĐPT-HCngày 09 tháng5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975, (có mặt);

Địa chỉ: Phường X, quận BT, TP HCM (có mặt);

***Người đại diện theo ủy quyền của ông N*:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1985, (có mặt);

Địa chỉ:đường ĐBP, Phường Y, quận BT, TPHCM, là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 16/3/2021), (có mặt).

Người bị kiện:

- Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD.

- Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD (vắng mặt).

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ:Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh BD, phường HP, thành phố TDM, tỉnh BD.

***Người đại diện hợp pháp của người bị kiện*:** Ông Nguyễn Thanh A, chức vụ: Phó Giám đốc, Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm sản LH;

Địa chỉ:khu phố Z, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Nguyễn Thị L, chức vụ: Giám đốc, (vắng mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm sản LH*:** Bà Lê Thị Mỹ H, Luật sư- Văn phòng luật sư Võ Tấn Đ thuộc Đoàn Luật sư TP HCM, (có mặt).

Địa chỉ:Đường NQC, Khu phố G, TĐ, TP HCM.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963;

Địa chỉ:thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện - ông Nguyễn Văn Nvà người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH, có mã số doanh nghiệp là 3700246759 có địa chỉ trụ sở tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32, khu phố Z, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD (Công ty LH) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 02/01/2020 thì chủ sở hữu và đồng thời người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn N.

Năm 2018, ông Nguyễn Văn N có vay tiền của bà Nguyễn Thị L. Để đảm bảo khoản tiền vay này bà L đã buộc ông Nguyễn Văn N phải ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty LH cho bà L, đây là hợp đồng giả cách nhằm che dấu quan hệ vay tiền chứ thực chất không có việc chuyển nhượng trên thực tế và bà L cũng không hề thanh toán tiền chuyển nhượng phần vốn góp cho ông Nguyễn Văn N.

Ngày 02/3/2020, bà L dùng hợp đồng chuyển nhượng phần vốn giả cách này để nộp hồ sơ đăng ký thay đổi chủ sở hữu và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty LH.

Ngày 09/6/2020, ông Nguyễn Văn N đã làm đơn ngăn chặn gửi trực tiếp cho Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD. Trong đơn, ông Nguyễn Văn N đã nêu rõ lý do: Giao dịch mua bán phần vốn góp giữa ông Nguyễn Văn N và ông L không thành nên đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD ngăn chặn không cho bà L đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đối với Công ty LH. Dù trước đó có đơn ngăn chặn của ông Nguyễn Văn N ngày 16/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD vẫn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 16 với nội dung đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Văn N sang tên bà Nguyễn Thị L.

Ngày 22/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD phát hành văn bản số 293/DKKD gửi cho ông N thông báo rằng đã cấp giấy phép kinh doanh lần thứ 16 sang tên chủ sở hữu và đại diện theo pháp luật của Công ty LH từ ông N sang cho bà L.

Quá trình làm việc, ông Nđược Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD cung cấp toàn bộ hồ sơ đăng ký thay đổi của Công ty LH (bản photocopy có dấu đóng của Phòng Đăng ký kinh doanh) cho thấy: Hồ sơ này dùng con dấu không còn hiệu lực để đóng và chữ ký trong hồ sơ là chữ ký giả, không phải chữ ký của ông N.

Ngày 24/8/2020, ông N đã khiếu nại Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD về việc cấp giấy phép kinh doanh lần thứ 16. Ông N đề nghị thu hồi giấy chứng nhận này, Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1517/QĐ-ĐKKD (lần đầu), quyết định này có nội dung không công nhận khiếu nại của ông N và giữ nguyên Giấy phép kinh doanh lần thứ 16.

Ngày 05/12/2020, ông N đã khiếu nại Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 06/QĐ/SKHĐT (lần 2), nội dung quyết định giải quyết khiếu nại cũng không chấp nhận khiếu nại của ông N.

Ông N cho rằng việc cấp giấy đăng ký Giấy phép kinh doanh lần thứ 16 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD và các quyết định giải quyết khiếu nại tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1517/QĐ-ĐKKD (lần đầu), Quyết định giải quyết khiếu nại số 06/QĐ/SKHĐT (lần 2) không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, cụ thể:

Đối với việc cấp giấy phép kinh doanh lần thứ 16, hồ sơ cấp giấy phép là giả mạo, bởi các lý do sau: Hồ sơ đăng ký thay đổi do bà L nộp sử dụng con dấu cũ để đóng lên hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, con dấu

này đã không còn hiệu lực từ ngày 21/12/2019 vì đã bị thay đổi bằng mẫu dấu mới. Như vậy, hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 16 là giả mạo mẫu dấu đang có hiệu lực. Chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp là chữ ký của ông N, còn tất cả các chữ ký khác trong các hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 16 đều không phải chữ ký của ông N**.** Ngày 09/3/2020, ông N đã có đơn ngăn chặn gửi trực tiếp đến Phòng Đăng ký doanh nghiệp tỉnh BD. Thời điểm này, hồ sơ đăng ký thay đổi của bà L chưa được giải quyết, nội dung đơn ngăn chặn nói rất rõ, hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông N và bà L không thực hiện. Điều này cho thấy, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông N và bà L đang có tranh chấp. Khi tiếp nhận thông tin tranh chấp, lẽ ra Phòng Đăng ký doanh nghiệp tỉnh BD tạm ngưng giải quyết hồ sơ đăng ký thay đổi theo đề nghị của bà L, đồng thời mời hai bên lên giải quyết hoặc hướng dẫn các bên chuyển hồ sơ tranh chấp tại Tòa án mới đúng nhưng Phòng Đăng ký doanh nghiệp tỉnh BD vẫn cấp giấy phép kinh doanh lần thứ 16 cho bà L mà không quan tâm đến ngăn chặn của ông N là trái quy định của pháp luật. Vào thời điểm chuyển nhượng phần vốn góp thì Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã BC đang cho thi hành án theo Quyết định thi hành số 1780/QĐ-CCTHADS ngày 09/8/2019. Theo quyết định này thì ông N và Công ty LH phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000.000 đồng. Phần vốn góp thuộc sở hữu của ông N trong Công ty LH cũng là tài sản thuộc diện phải thi hành án. Như vậy, việc cho chuyển nhượng tài sản trong giai đoạn này là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật. Trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 16 có Giấy ủy quyền số 01/UQ ngày 23/02/2020 thể hiện ông N ủy quyền cho ông Nguyễn Huy T5. Tuy nhiên, chữ ký trong giấy ủy quyền này không phải của ông N. Nội dung ủy quyền chỉ thể hiện liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD để nộp hồ sơ và nhận kết quả. Như vậy, nội dung ủy quyền không rõ ràng, không cụ thể nên giấy ủy quyền này không hợp lệ. Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD vẫn chấp nhận giải quyết là sai.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1517/QĐ-ĐKKD (lần đầu): Việc cấp Giấy phép kinh doanh lần thứ 16 là sai trái. Vì vậy, ông N khiếu nại là đúng và cần phải được chấp nhận và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này. Tuy nhiên, Phòng Đăng ký doanh nghiệp tỉnh BDvẫn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1517/QĐ-ĐKKD giữ nguyên Giấy phép kinh doanh lần thứ 16 là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, một trong những nội dung khiếu nại của ông N là hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16 của Công ty LH có sử dụng con dấu không có hiệu lực, sử dụng chữ ký giả. Tuy nhiên, quá trình giải quyết khiếu nại, Phòng Đăng ký doanh nghiệp tỉnh BD không trưng cầu giám định để làm rõ sự giả mạo hồ sơ là sai quy trình giải quyết khiếu nại.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 06/QĐ/SKHĐT (lần 2): Người khởi kiện đã nhiều lần yêu cầu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD trưng

cầu giám định để xác định sự giả mạo của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16, tuy nhiên yêu cầu trưng cầu giám định không được xem xét. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD không trưng cầu giám định sự giả mạo hồ sơ nhưng đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần số 2 số 06/QĐ/SKHĐT (lần 2) không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Nlà thiếu sót.

Do đó, ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 cho Công ty TNHH Một Thành Viên Lâm Sản LH ngày 16/3/2020 ("Giấy phép kinh doanh lần thứ 16").

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1517/QĐ-ĐKKD ngày 10/11/2020 của Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn N.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 06/QĐ-SKHĐT ngày 02/03/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N lần 2.

Người bị kiện - Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD trình bày:

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH (viết tắt là Công ty hoặc Công ty Lâm sản LH), mã số doanh nghiệp: 3700246759, đăng ký lần đầu ngày 22/5/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/3/2020.

Tại lần đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/3/2020, Công ty đăng ký thay đổi chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Nguyễn Văn N sang bà Nguyễn Thị L, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Căn cứ pháp lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/3/2020 cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH, mã số doanh nghiệp 3700246759.

Khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Doanh nghiệp quy định trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp như sau:

"1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.”.

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định: “*1. Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Nghị định này*.”

Điều 4 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp như sau:

“1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chữ ký của những người đại diện theo pháp luật trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý như nhau.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.”.

Khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định: *“Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.”*.

Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định: *“2. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.”*

Điểm c khoản 1 Điều 28 Luật doanh nghiệp 2014 quy định: Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ.

Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định các trường hợp doanh nghiệp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cụ thể:

"1. Doanh nghiệp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của doanh nghiệp;

c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc cơ quan công an.".

Các quy định của pháp luật về mẫu con dấu như sau:

Khoản 1, khoản 3 Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2014: *"Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp; Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.";*

Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: *"Phòng Đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.";*

Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp: *"Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu...";*

Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định: *"Cơ quan đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm thẩm tra nội dung mẫu con dấu của doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục thông báo mẫu con dấu cho doanh nghiệp".*

Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty Lâm sản LH tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ; Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp; Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành

viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

Căn cứ các quy định của pháp luật về mẫu con dấu được nêu ở trên, việc quyết định, quản lý, sử dụng mẫu con dấu thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp; Phòng Đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu, không chịu trách nhiệm thẩm tra nội dung mẫu con dấu của doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục thông báo mẫu con dấu cho doanh nghiệp.

Ngày 02/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh tiếp nhận hồ sơ Công ty Lâm sản LH đăng ký thay đổi chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Nguyễn Văn N sang bà Nguyễn Thị L, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế.

Quá trình xử lý hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh có Thông báo mời ông Nguyễn Văn N liên hệ trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh để xác nhận nội dung Công ty Lâm sản LH đăng ký thay đổi; ngày 06/3/2020, ông Nguyễn Văn N đã liên hệ trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh làm việc và xác nhận các nội dung sau:

"Việc chuyển nhượng số vốn góp theo hợp đồng chuyển nhượng là có thật, các bên đã hoàn tất việc chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng. Đồng thời chữ ký ông Nguyễn Văn N trong toàn bộ hồ sơ là do chính ông Nguyễn Văn N ký, do chữ ký ông Nguyễn Văn N thay đổi theo thời gian".

Ngày 09/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh có nhận đơn xin ngăn chặn của ông Nguyễn Văn N, nội dung liên quan đến việc hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC có quyết định số 1078/QĐ-CCTHADS và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS để ngăn chặn không cho bà L sang tên giấy phép đăng ký kinh doanh. Căn cứ đơn thư ngày 09/3/2020 của ông Nguyễn Văn N và hồ sơ Công ty đang nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh.

Ngày 12/3/2020 Phòng Đăng ký kinh doanh có công văn số 242/ĐKKD gửi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC có ý kiến về việc Công ty TNHH một thành viên lâm sản LH có thuộc trường hợp không được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hay không.

Ngày 16/3/2020, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC có Công văn số 179/CCTHADS phúc đáp với nội dung như sau: *"Về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm sản LH được nêu tại Công văn số 242/ĐKKD ngày 12/3/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD thì không thuộc trường hợp không được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp."*.

Hồ sơ đăng ký thay đổi, Công ty Lâm sản LH thực hiện theo quy định: Điều 43, khoản 1 Điều 46, Điều 53 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đến thời điểm ngày 16/3/2020, Công ty Lâm sản LH không thuộc trường hợp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

Trên cơ sở hồ sơ doanh nghiệp kê khai đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 43, khoản 1 điều 46, Điều 53 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 31 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngày 16/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày cho Công ty Lâm sản LH.

3. Ý kiến của Phòng Đăng ký kinh doanh về yêu cầu của người khởi kiện.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; đã kiểm tra hồ sơ Công ty đã nộp đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 43, khoản 1 Điều 46, Điều 53 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; phối hợp Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC lấy ý kiến về việc Công ty Lâm sản LH có thuộc trường hợp không được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định 78/2015/NĐ-CP hay không.

Đến ngày 16/3/2020, trên cơ sở hồ sơ Công ty đã nộp đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 43, khoản 1 Điều 46, Điều 53 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 31 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công ty không thuộc đối tượng không được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Phòng Đăng ký kinh doanh

cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16 ngày 16/3/2020 ghi nhận các nội dung do Công ty Lâm sản LH đăng ký.

Từ các căn cứ nêu trên, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16 ngày 16/3/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BDcho Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH là đúng quy định pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH ngày 16/3/2020.

Người bị kiện - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD trình bày:

1.Căn cứ Điều 20 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn N.

2. Căn cứ Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư đã giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn N theo đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 theo quy định.

3.Ông Nguyễn Văn N đề nghị trưng cầu giám định để xác định sự giả mạo hồ sơ đăng ký kinh doanh lần thứ 16: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH2016 ngày 11/11/2011 "*Người giải quyết khiếu nại lần 2 có các quyền sau đây: ..... Trưng cầu giám định";* theo khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xét thấy đã đủ cơ sở giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn N. Do đó, ngày 02/3/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD đã có Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần 2).

Từ các căn cứ nêu trên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BDđề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 06/QĐ-SKHĐT ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N lần hai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH và bà Nguyễn Thị L có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Minh T3 trình bày:

Công ty TNHH MTV Lâm sản LH (sau đây gọi tắt là Công ty LH) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700246759 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/3/2020; chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị L đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty LH.

Trước đây ông Nguyễn Văn N là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật của Công ty LH theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 cấp ngày 01/3/2019. Do làm ăn thua lỗ nên ông Nguyễn Văn N đã liên hệ gặp bà L để chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của ông N trong Công ty LH cho bà L với giá 25 tỷ đồng.

Ngày 13/9/2018, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L ký kết Hợp đồng đặt cọc và mua bán đối với quyền sử dụng đất và nhà xưởng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ 32, diện tích 10.431m tọa lạc tại xã TH, huyện BC, tỉnh BD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977300, số vào sổ cấp GCN T001810/CN-2006 ngày 25/12/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp cho Công ty LH; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 150690/SHCT ngày 10/9/2002 do Sở Xây dựng tỉnh BD cấp cho Công ty LH theo như hai bên đã thỏa thuận. Cụ thể hai bên thỏa thuận:

Đợt 1: Ngày 13/9/2018 cọc 6.6 tỷ đồng;

Đợt 2: Ngày 25/9/2018 thanh toán 1.4 tỷ đồng;

Đợt 3: Ngày 25/10/2018 thanh toán 5 tỉ đồng và số tiền còn lại là 12 tỷ đồng thanh toán vào ngày 25/12/2018.

Thực hiện theo cam kết bà L đã thanh toán như sau:

Ngày 13/9/2018 cọc 6.6 tỷ đồng;

Ngày 25/9/2018 thanh toán 1.4 tỷ đồng;

Ngày 25/10/2018 thanh toán 5 tỷ đồng.

Đến đợt thanh toán 12 tỷ đồng theo thỏa thuận thì ông N phải ra phòng công chứng để lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà L nhưng việc này không thực hiện được do một số thủ tục liên quan đến giấy tờ đất ông N không cung cấp được nên không tiến hành công chứng được. Tuy nhiên bà L vẫn tiến hành thanh toán cho ông N làm nhiều đợt theo yêu cầu của ông N, bởi vì ông N đang gặp khó khăn và cần vốn để kinh doanh. Sau đó hai bên đã có sự thỏa thuận lại giá nhà xưởng là 30 tỷ đồng và bà L đã thanh toán tiếp cho ông N làm nhiều đợt, cụ thể:

Ngày 20/3/2019 thanh toán cho ông N 5 tỷ đồng; Ngày 19/5/2019 thanh toán 01 tỷ đồng;

Ngày 27/6/2019 thanh toán ông N 1.450 tỷ đồng .

Theo yêu cầu của ông N, bà L đã gửi cho ông Vũ T4 2,6 tỷ đồng mà ông N đang nợ của ông Vũ T4 để ông N nhận lại sổ đỏ mà ông N đã *đưa* cho ông Vũ T4 cầm trước đó.

Tổng cộng bà L đã thanh toán tiền chuyển nhượng nhà xưởng là 23.050.000.00 đồng. Số tiền 7 tỷ đồng còn lại ông N và bà L đã đồng ý thỏa thuận chuyển từ nợ vay của ông N sang tiền thanh toán chuyển nhượng Công ty LH.

Số tiền mà ông N đã vay của bà L cụ thể:

Ông N đã vay của bà L: 5,9 tỷ đồng, số tiền này bà L đã chuyển cho Công ty UNIVERSE theo yêu cầu của ông N, đây là công ty do ông N làm chủ sở hữu;

Chuyển cho bà T5 kế toán của ông N: 2.685.761.000 đồng;

Ông N nhận tiền mặt từ bà L là 900.000.000 đồng;

Bà L cho ông N vay 1 năm tiền cho thuê nhà xưởng của Công ty YA DONG là 3.804.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông N đã vay của bà L là 13.289.761.000 đồng.

Ông N yêu cầu bà L chuyển số tiền vay của ông N thành tiền nhận thanh toán chuyển nhượng Công ty LH và bà L đồng ý. Bà L đồng ý chuyển số tiền 7 tỷ đồng vào tiền thanh toán hợp đồng nhận chuyển nhượng công ty LH. Như vậy sau khi thanh toán đầy đủ 30 tỷ đồng số tiền nhận chuyển nhượng công ty LH, ông N còn nợ bà L là 6.289.761.000 đồng.

Lý do có việc thanh toán nhiều đợt như trên là do trong quá trình mua bán doanh nghiệp, ông N gặp khó khăn trong các thủ tục hoàn tất giấy tờ công chứng chuyển nhượng đất cho bà L nhưng ông N vẫn muốn chuyển nhượng vì khó khăn tài chính cần tiền giải quyết, bà L có nhu cầu muốn mua nên hai bên mới tạo điều kiện cho nhau trong việc thanh toán tiền. Sau khi thanh toán nhiều đợt tiền, ông N đồng ý giao giấy tờ đất cho bà L giữ nhưng sau đó ông N mượn lại nói để làm hoàn tất thủ tục nhà đất giao cho bà L, tuy nhiên ông N lại có hành vi gian dối đưa sổ đỏ vào thế chấp để bảo lãnh cho Công ty UNIVERSE do ông N - chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện vay của Ngân hàng Q số tiền 20.000.000.000 đồng. Biết được việc này để đảm bảo quyền lợi của mình thì bà L có nói với ông N việc khởi kiện để xác nhận về mặt pháp lý số tiền ông N đã nhận của bà L từ việc mua bán nhà xưởng là 30 tỷ đồng, ông N đồng ý. Do vậy, bà L khởi kiện và ngày 15/3/2019 Tòa án nhân dân thị xã BC đã thụ lý giải quyết vụ án.

Mặt dù bà L đang tiến hành khởi kiện nhưng ông Nguyễn Văn N vẫn muốn chuyển giao toàn bộ nhà đất và Công ty LH cho bà L như đã thỏa thuận chuyển nhượng trước đó nên ngày 09/5/2019, ông N đã giao toàn bộ hồ sơ pháp lý của Công ty LH (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 cấp ngày 01/3/2019 và con dấu của doanh nghiệp) cho bà L quản lý và sử dụng.

Đến ngày 05/8/2019 Tòa án nhân dân thị xã BC ra Quyết định số 39/2019/QĐST-DS về việc công nhận thỏa thuận của các đương sự, cụ thể công nhận sự thỏa thuận như sau: *"1.Hợp đồng đặt cọc và mua bán nhà đất ngày 13/9/2018 giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L bị vô hiệu; Ông Nguyễn Văn N và Công ty LH có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn* Thị *L số tiền 30.000.000.000 đồng*".

Sau khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự hợp đồng đặt cọc và mua bán nhà đất ngày 13/9/2018 giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L, chưa thi hành án đối với quyết định công nhận thỏa thuận này nhưng thực tế bà L đã tiếp quản công ty và quản lý điều hành theo hợp đồng chuyển nhượng mà hai bên đã ký kết và bà L tiếp tục thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Công ty LH cho ông N theo như thỏa thuận của hai bên.

Tất cả những nội dung này được ông N xác nhận tại Giấy xác nhận và cam kết ngày 05/11/2019 đã được Công ty LH nộp cho Tòa án.Cũng tại văn bản này ông N đã cam kết kể từ ngày bàn giao mộc dấu của Công ty LH cho bà L để bà L

có thể quản lý điều hành công ty, Con dấu và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà ông Nguyễn Văn N giao cho bà L là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700246759 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/3/2019.

Tuy nhiên, sau khi bàn giao con dấu và Giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 cho bà L, ông N đã gian dối vi phạm cam kết, tự ý làm đơn báo mất dấu mộc, giấy tờ và xin cấp lại, ngày 02/01/2020 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở KH&ĐT tỉnh BD đã cấp Giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 15 cho Công ty TNHH MTV Lâm sản LH, tiếp theo đó ông N đã đi làm con dấu khác. Toàn bộ sự việc này ông N không thông báo cho bà L biết. Ông N đã có hành vi gian dối sử dụng con dấu và giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 15 cấp ngày 02/01/2020 thế chấp cho ông Đặng Huỳnh L4 ngày 10/12/2020 để nhằm bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của ông Nguyễn Văn N tại Quận G TP HCM. Việc ông Nkhiếu nại nhiều lần và có đơn ngăn chặn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty LH do bà L làm đại diện là hành vi cố tình kéo dài gây khó khăn cho bà L trong hoạt động kinh doanh, trong việc thực hiện thi hành án các món nợ mà ông N đang nợ và có trách nhiệm hoàn trả. Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh BD đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700246759 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/3/2020 cho Công ty LH là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan của Trưởng Phòng đăng ký ký doanh và Giám đốc Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh BD là có cơ sở phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023,Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 115, 116; khoản 1 Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204; Điều 206 và Điều 362 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn N đối với yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH, mã số doanh nghiệp 3700246759, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16/3/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD.

- Hủy Quyết định số 1517/QĐ-ĐKKD ngày 10/11/2020 của Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần 2)..

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2023,ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn T trình bày: Hồ sơ đăng ký kinh doanh giả mạo, sử dụng dấu không còn hiệu lực, theo kết luận giám định hồ sơ bị thay trang, tẩy xóa. Hợp đồng chuyển nhượng vốn thực chất là để thế chấp cho khoản vay chứ không có việc chuyển nhượng vốn.Mẫu dấu hồ sơ đăng ký kinh doanh lần 16 không hợp lệ, có giả mạo và dấu đã hết giá trị sử dụng đã vi phạm Luật Doanh Nghiệp. Tại thời điểm năm 2020 Công ty LH đang nợ thuế và Công ty chưa trả nợ được nên bà L không thể lại mua phần vốn đó để trả ngược lại cho ông N. Sau khi nộp hồ sơ, ngày 09/3/2020, ông N đã gửi đơn ngăn chặn gửi trực tiếp đến Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu không tiếp tục thực hiện việc đăng ký thay đổi lần thứ 16 đối với Công ty nữa, nhưng ngày 16/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh vẫn thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 16 cho Công ty LHlà trái pháp luật. Mục đích của bà L là sang tên để trở thành người được thi hành án và đồng thời là người yêu cầu thi hành án. Đề nghị áp dụng Điều 200 Luật Doanh Nghiệp chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông N.

Luật sư Lâm Thị Mỹ H trình bày: Không đồng ý với ý kiến của người khởi kiện, hai bên đã thỏa thuận, ông N cũng đã bàn giao mộc dấu và cam kết giao cho bà L cũng như ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, đồng ý ký biên bản khẳng định tại sở kế hoạch đầu tư là chữ ký của ông N, việc thay đổi giấy phép này không làm ảnh hưởng đến việc thi hành án. Ông Ncũng thừa nhận tự ý thay đổi mộc dấu không cho bà L biết, ông N tự nguyện bán tài sản cho bà L chứ không phải bị ép buộc. Thực ra ông Nđã nhận từ bà L hơn 23 tỷ đồng, hợp đồng chuyển nhượng vốn lập ra để đảm bảo cho khoản tiền ông N vay của bà L. Khi ông N không trả được nên bà L khởi kiện ra Tòa án thị xã BC, do hòa giải thành nên Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 39/2019/QĐST-DS ngày 05/8/2019 thì ông N và Công ty LH phải trả cho bà L 30 tỷ đồng. Từ khi nhận công ty đến nay thì bà L cũng đã phải trả nợ cho công ty nhiều khoản tiền khác. Hiện nay bà L vẫn đang yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC thi hành án đối với khoản nợ 30 tỷ của ông N và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH còn nợ bà L, nhưng chưa thi hành được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xét kháng cáo của ông N thì thấy theo kết luận giám định chữ ký trong hồ sơ đăng ký thứ 16 do ông N ký, ngày 16/3/2020 ông N cũng xác nhận tại Phòng Đăng ký kinh doanh, vì vậy việc chuyển nhượng cổ phần là hợp pháp, do đó Sở kế hoạch đầu tư đã cho đăng ký thay đổi sang tên từ ông N sang bà L là có căn cứ, đại diện của ông N cho rằng hợp đồng chuyển nhượng đóng dấu hết hiệu lực, và ông N thừa nhận tự nguyện giao con dấu cho bà L, sau đó ông N đăng ký con dấu mới lại không thông báo cho bà L, theo quy định khi ban hành dấu mới phải nộp lại con dấu cũ, nhưng ông N không nộp lại là không đúng quy định, nên hợp đồng chuyển nhượng vốn góp sử dụng con dấu cũ là đúng, từ đó bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người khởi kiệncòn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH (gọi tắt là Công ty TNHH MTV LH), mã số doanh nghiệp là 3700246759, địa chỉ trụ sở tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32, khu phố Z, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp thay đổi lần thứ 15, ngày 02/01/2020 thì chủ sở hữu, đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV LH là ông Nguyễn Văn N. Sau đó, ông N và bà Nguyễn Thị L thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty này và nộp hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD vào ngày 02/3/2020 gồm:

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Điều lệ đã sửa đổi của công ty;

- Bản sao các giấy tờ chứng thực cá nhân;

- Quyết định của chủ sở hữu công ty;

- Hợp đồng chuyển nhượng chuyển nhượng vốn góp ngày 23/02/2020;

- Văn bản ủy quyền cho người đại diện làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

Ngày 16/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV LH thay đổi lần thứ 16 thì chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty này đều là bà L.

[2.2] Xét tính hợp pháp của bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm sản LH, đăng ký thay đổi lần thứ 16:

Theo Kết luận giám định số 370/KL-KTHS ngày 30/01/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an thì Bản Điều lệ đã sửa đổi của công ty và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 23/02/2020 nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD đã bị thay trang và tẩy xóa (BL 804). Tại khoản 4 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định các hành vi liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp bị nghiêm cấm gồm: *"kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp"*. Theo phía ông N cho rằng việc tẩy xóa làm sai lệch hồ sơ, nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD khi đó không làm rõ các nội dung tẩy xóa này. Như vậy, Công ty LH nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD để xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm sản LH, đăng ký thay đổi lần thứ 16 đã vi phạm điều cấm.

Mặt khác, Ngày 02/3/2020 Công ty LH nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD bộhồ sơ đăng ký thay đổi doanh nghiệp lần thứ 16; ngày 06/3/2020, ông Nguyễn Văn Nđã liên hệ trực tiếp với Phòng Đăng ký kinh doanh xác nhận việc chuyển nhượng số vốn góp theo hợp đồng chuyển nhượng là có thật, các bên đã hoàn tất việc chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, ngày 09/3/2020, ông N với tư cách vừa là người đại diện theo pháp luật, vừa là chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Lâm sản LH (theo khoản 1 Điều 73 LDN) đã có đơn ngăn chặn gửi trực tiếp đến Phòng Đăng ký doanh nghiệp tỉnh BD, yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD không tiếp tục thực hiện việc đăng ký thay đổi lần thứ 16 đối với Công ty TNHH MTV Lâm sản LH nữa. Nhưng Ngày 16/3/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh BDvẫn thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 16 cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH.

Tại điểm ckhoản 2 Điều 75 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định quyền của chủ sở hữu công ty:

"Chủ sở hữu công ty là cá nhân có các quyền sau đây:...

c) Quyết định ..., chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

... "

Tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định các hành vi bị nghiêm cấm *"Ngăn cản chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của doanh nghiệp thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty"*.

Trong trường hợp này, ông vừa là đại diện theo pháp luật, vừa là chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Lâm sản LHthì ông N được quyền quyết định việc chuyển nhượng hoặc không chuyển nhượng vốn góp cho bà L, đồng thời ông N cũng được quyền tiếp tục yêu cầu hoặc không tiếp tục yêu cầu đối với việc đăng ký thay đổi lần thứ 16 cho Công ty TNHH MTV Lâm sản LH, vì đây là quyền của ông N được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, khi Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD nhận được đơn ngăn chặn nêu trên của ông N,mặc dù trong đơn ông N đã trình bày rõ là việc chuyển nhượng vốn giữa ông N với bà Lkhông thực hiện được, nhưngPhòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD vẫn thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm sản LH thay đổi lần thứ 16 là trái với ý chí của ông N,xâm phạm đến quyền định đoạt của ông N, việc này làtrái với quy định của pháp luật và cũng vi phạm điều cấm.

[2.3] Xét giao dịch chuyển nhượng vốn theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 23/02/2020 giữa ông N với bà L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và Luật sưH đều trình bày ký hợp đồng này mục đích để đảm bảo cho khoản tiền ông N vay của bà L, khi ký hợp đồng thì ông N không nhận tiền từ bà L. Lời khai này của ông N và Luật sư H phù hợp với thực tế. Bởi lẽ, các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ ánđãchứng minh tổng số tiền bà L cho ông N vay, chuyển nhượng tài sản và tiền lãi bằng 30 tỷ đồng, sau đó bà L khởi kiện tại Tòa án thị xã BC yêu cầu ông Nphải trả khoản nợ này, do hòa giải thành nên Tòa án thị xã BC đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 39/2019/QĐST-DS ngày 05/8/2019 với nội dung ông N và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 30 tỷ đồng. Tại Biên

bản thỏa thuận thi hành án ngày 06/2/2020 có nội dung *"Đối với khoản tiền mà ông N và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH phải liên đới thanh toán cho bà L là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng) cùng lãi suất chậm thi hành án, trường hợp ông N lo liệu thanh toán cho bà L số tiền là 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) thì bà L thống nhất chấm dứt việc tạm dừng việc đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sảnđối với tất cả các tài sản của ông N và Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LHđang thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh GĐ và Ngân hàng Q – Chi nhánh BD, về phía ngân hàng xem xét xử lý thu hồi nợ vay tại các ngân hàng…"*.Tại Biên bản thỏa thuận thi hành án ngày 28/2/2020 có nội dung*"Do đến nay ông N không có khả năng lo liệu tiền để thanh toán cho bên bà L theo thỏa thuận nên các bên thống nhất hủy bỏ nội dung thỏa thuận ngày 06/02/2020 để cơ quan Thi hành án tiếp tục xem xét giải quyết, xử lý việc thi hành án theo quy định pháp luật. Trường hợp, nếu có thỏa thuận về phương thức thi hành án thì các bên sẽ thông báo cho cơ quan Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh BD để xem xét tổ chức thực hiện sau khi ông N và Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản LH nộp dứt điểm khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án và quyết định thi hành án số 1781/QĐ-CCTHADS ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC ghi nhận nội dung thỏa thuận của các bên đương sự làm cơ sở để tiếp tục xem xét giải quyết, xử lý việc thi hành án theo luật định"*. Như vậy, các khoản tiềnbà L giao cho ông N nêu trên đã được giải quyết bằng một quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và được xác định là một khoản nợ của ông N và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH còn nợ bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư H trình bày xác định đến thời điểm này bà L vẫn đang còn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC thi hành án đối với khoản nợ của ông N và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH. Do đó, không có căn cứ xác định bà L đã thanh toán tiền cho hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23/02/2020, nhưng tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn lại vẫnghi bên bán là ông N nhận đủ 20 tỷ đồng là không đúng với sự thực khách quan và Hợp đồng này có dấu hiệu để hợp thức hóa cho giao dịch khác. Đối với số tiền 30 tỷ này, bà L không thể vừa yêu cầu ông Nhi và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH trả theo đơn yêu cầu thi hành án, đồng thời lại vừa là khoản thanh toán để yêu cầu ông N thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Bà L cũng không cung cấp được chứng cứ nào để xác định ông N và Công ty TNHH MTV Lâm sản LH chấp nhận chuyển số nợ 30 tỷ này thành khoản tiền trả cho việc chuyển nhượng vốn góp theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 23/02/2020, nên nội dung đơn ngăn chặn ông N gửi Phòng Đăng ký kinh doanh,

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD ngày 09/3/2020, ông N trình bày hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa ông N với bà L không thực hiện thành công là đúng với bản chất sự việc.

[2.4] Xét thấy, khi giải quyết vụ án hành chính có đối tượng bị kiện là quyết định hành chính thì Tòa án xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của quyết định hành chính đó. Đối với hồ sơ gửi Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD yêu cầu đăng ký thay đổi lần thứ 16 cho Công ty TNHH MTV Lâm sản LH đã vi phạm điều cấm của pháp luật và không phù hợp với thực tế khách quan, với ý chí củangười tham gia giao dịch, nên được xác định là không hợp lệ. Do đó, việc Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm sản LH, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/3/2020 là trái với quy định của pháp luật.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm sản LH đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16/3/2020 ban hành trái với quy định của pháp luật, nên các Quyết định số 1517/QĐ-ĐKKD ngày 10/11/2020 của Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu) và Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần 2)cũng được xác định là không đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xửchấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N; sửa bản án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm sản LH, mã số doanh nghiệp 3700246759, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16/3/2020 và 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N; sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn N.

2.1. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm sản LH, mã số doanh nghiệp 3700246759, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16/3/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD.

2.2. Hủy Quyết định số 1517/QĐ-ĐKKD ngày 10/11/2020 của Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BDvề việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu).

2.3. Hủy Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần 2).

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định 4.050.000 đồng ông Nđã đồng ý nộp và đã thực hiện xong.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu. Trả lại cho ông N 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, theo Biên lai thu số 0044934 ngày 07/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BD.

4.2. Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD phải chịu 300.000đ;

4.3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BD phải chịu 300.000đ.

5. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N không phải chịu. Trả lại cho ông N 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000478 ngày 17/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BD.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TANDtỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Dương ; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- NCQLNVLQ; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- ĐHV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh